



Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh - sinh viên

Trịnh Thùy Dương

Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Email: duongtt@eaut.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên trong bối cảnh giáo dục liên tục đổi mới cùng sự bùng nổ của công nghệ thông tin. Dựa trên tổng quan lý thuyết và kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó, tác giả đề xuất mô hình gồm tám yếu tố, chia thành nhóm yếu tố chủ quan (Nhận thức, Thái độ, Kỹ năng hỗ trợ, Năng lực) và nhóm yếu tố khách quan (Môi trường vật chất, Môi trường văn hóa, Môi trường học tập kết hợp, Cộng đồng học tập trực tuyến). Kết quả khảo sát trên 316 học sinh THPT và sinh viên đại học tại Hà Nội cho thấy bảy trong tám yếu tố có tác động tích cực đến kỹ năng tự học, trong đó Nhận thức, Kỹ năng hỗ trợ và Thái độ là các yếu tố nổi bật hơn cả. Riêng Cộng đồng học tập trực tuyến chưa thể hiện rõ ảnh hưởng. Dữ liệu phỏng vấn bán cấu trúc với sinh viên năm nhất và năm ba khẳng định vai trò quan trọng của thời gian thích nghi; sinh viên năm ba chủ động hơn trong lập kế hoạch, khai thác tài liệu, quản lý thời gian và duy trì động lực. Trên cơ sở đó, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức, hình thành thái độ học tập tích cực, trang bị kỹ năng hỗ trợ, đồng thời xây dựng môi trường học tập linh hoạt. Đây là tiền đề nhằm thúc đẩy tính chủ động, nâng cao hiệu quả tự học cho học sinh – sinh viên trong bối cảnh giáo dục số.

Từ khóa: học sinh, sinh viên, kỹ năng tự học

Abstract

This study analyzes factors influencing self-directed learning skills among high school and university students in the context of continuous educational reform and the rapid expansion of information technology. Based on a literature review and prior studies, the authors propose a model comprising eight factors, divided into subjective factors (Cognition, Attitude, Supporting Skills, Competence) and objective factors (Physical Environment, Cultural Environment, Blended Learning Environment, Online Learning Community). Survey results from 316 high school students and university students in Hanoi indicate that seven out of eight factors have a positive impact on self-directed learning skills, with Cognition, Supporting Skills, and Attitude emerging as the most significant. The Online Learning Community factor does not show a clear influence. Semi-structured interview data with first-year and third-year students confirm the important role of the adaptation period; third-year students demonstrate greater proactivity in planning, resource utilization, time management, and maintaining motivation. Based on these findings, the study emphasizes the importance of enhancing learners' awareness, fostering positive learning attitudes, equipping supporting skills, and developing flexible learning environments. These serve as a foundation for promoting learner autonomy and improving the effectiveness of self-directed learning in the context of digital education.



Keywords: *students, self-directed learning skills*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục không ngừng đổi mới cùng sự bùng nổ của công nghệ thông tin, năng lực tự học được xem là một trong những kỹ năng quan trọng của người học thế kỷ XXI (OECD, 2020). Theo UNESCO (2021), khoảng 65% sinh viên trên toàn cầu phải thích ứng với hình thức học trực tuyến hoặc kết hợp, đòi hỏi khả năng tự quản lý và chủ động trong việc tiếp thu kiến thức. Tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) cũng khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao kỹ năng tự học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của nền giáo dục và tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực.

Mặc dù tầm quan trọng của năng lực tự học đã được nhấn mạnh, nhiều công trình nghiên cứu cho thấy hiệu quả tự học của học sinh - sinh viên vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Chẳng hạn, khảo sát của Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội (2020) thực hiện trên 2.000 sinh viên cho thấy chỉ 38% duy trì được tính kỷ luật thường xuyên, trong khi 62% gặp khó khăn về động lực, phương pháp học hoặc bố trí thời gian. Bên cạnh đó, Trần và cộng sự (2021) chỉ ra các yếu tố như môi trường học tập, thái độ học tập và phương pháp giảng dạy có tác động đáng kể đến khả năng tự học, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi từ học trực tiếp sang trực tuyến hoặc kết hợp.

Thực tế này cho thấy quá trình tự học không chỉ phụ thuộc vào yếu tố cá nhân của người học, mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều khía cạnh khách quan khác. Việc nhận diện và đánh giá mức độ tác động của những yếu tố này giúp làm sáng tỏ cơ chế hình thành kỹ năng tự học, đồng thời cung cấp căn cứ để đưa ra các giải pháp hỗ trợ thiết thực. Trên cơ sở đó, nghiên cứu với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh - sinh viên, hướng đến đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả tự học cho nhóm đối tượng này, đáp ứng yêu cầu xây dựng một lực lượng lao động có khả năng học tập suốt đời và sẵn sàng thích ứng với những thay đổi liên tục của xã hội.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về kỹ năng tự học (self-learning skills) đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học giáo dục trong và ngoài nước. Nhìn chung, các công trình xoay quanh hai nội dung chính: (1) Làm rõ tầm quan trọng của kỹ năng tự học trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát



triển cá nhân; (2) Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình rèn luyện và phát triển kỹ năng tự học của người học.

Trên thế giới, khái niệm “tự học” (self-study/self-learning) thường gắn liền với lý thuyết về học tập tự điều chỉnh (self-regulated learning). Zimmerman (2002) cho rằng học tập tự điều chỉnh không chỉ dừng lại ở việc người học quản lý thời gian và không gian học tập, mà còn bao hàm cả việc xác lập mục tiêu, sử dụng chiến lược học tập hiệu quả, cũng như khả năng tự đánh giá kết quả. Pintrich (2004) nhấn mạnh vai trò của động lực và thái độ đối với quá trình tự học, đồng thời chỉ rõ các yếu tố chủ quan (ví dụ: niềm tin cá nhân, mục tiêu học tập) và yếu tố môi trường (ví dụ: phương tiện, công nghệ, văn hóa lớp học) đều có những tác động đáng kể đến năng lực tự học của người học.

Bên cạnh đó, Perry và đồng nghiệp (Perry, Turner, & Meyer, 2006) tập trung phân tích mối quan hệ giữa không gian lớp học và tính chủ động của người học, chỉ ra rằng phương pháp giảng dạy của giáo viên và sự hỗ trợ về mặt tâm lý - xã hội từ môi trường trường học có thể khuyến khích hoặc cản trở kỹ năng tự học. Các nghiên cứu này thống nhất rằng năng lực tự học là kết quả của sự tương tác giữa nhiều nhóm yếu tố, bao gồm cả đặc điểm cá nhân và yếu tố bên ngoài.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về tự học chủ yếu tập trung vào khối sinh viên đại học. Chẳng hạn, trong công trình của Trần và cộng sự (2021), tác giả đã khảo sát những khó khăn của sinh viên trong việc tự học khi chuyển từ hình thức học trực tiếp sang trực tuyến, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng như hạ tầng công nghệ, động lực học tập và kỹ năng quản lý thời gian. Kết quả cho thấy bên cạnh tác động của môi trường học tập, yếu tố chủ quan như phương pháp học và thái độ cá nhân đóng vai trò quyết định đến hiệu quả tự học.

Trường Đại học Giáo dục (2020) cũng thực hiện một khảo sát trên 2.000 sinh viên và nhận thấy chỉ có 38% sinh viên duy trì được kỷ luật tự học thường xuyên. Theo báo cáo, nguyên nhân xuất phát từ cả rào cản khách quan (thiếu cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt) và yếu tố chủ quan (chưa có mục tiêu rõ ràng, thiếu động lực). Nhiều nghiên cứu khác ở cấp độ phổ thông cũng đã được tiến hành, nhưng đa số chỉ tập trung vào một khía cạnh cụ thể, chẳng hạn như vai trò của gia đình trong việc khuyến khích học sinh tự học (Nguyễn, 2020), hoặc các phương pháp dạy học nhằm rèn luyện thói quen tự học (Lê, 2019).

Để xây dựng mô hình nghiên cứu phù hợp, tác giả đã tham khảo và kế thừa một số lý thuyết và mô hình nền tảng trong lĩnh vực giáo dục và phát triển kỹ năng tự học. Mỗi mô hình mang lại những góc nhìn khác nhau về cơ chế hình thành và phát triển năng lực tự học của người học trong bối cảnh hiện đại. Bảng dưới đây tóm tắt nội dung chính, ưu điểm, nhược điểm và nguồn tham khảo của các mô hình có liên quan, làm cơ sở để tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu lựa chọn trong phạm vi bài viết này.

Bảng 1. Tổng hợp các mô hình lý thuyết liên quan đến kỹ năng tự học

TT	Tên mô hình	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm	Nguồn tham khảo
1	Học tập tự điều chỉnh	Người học tự đặt mục tiêu, sử dụng chiến lược học, tự đánh giá quá trình học tập	Phát triển tính chủ động, rèn luyện khả năng học tập suốt đời	Đòi hỏi người học có ý thức cao, cần thời gian rèn luyện lâu dài	Zimmerman (2002); Pintrich (2004)
2	Động lực và tự quyết	Động lực nội tại quyết định hành vi tự học thông qua nhu cầu tự chủ và kết nối	Giải thích rõ vai trò thái độ và cảm xúc trong tự học	Khó lượng hóa động lực; thiếu chỉ dẫn về kỹ thuật học tập cụ thể	Ryan & Deci (2000)
3	Học tập kết hợp	Kết hợp học trực tiếp và trực tuyến để tăng tính linh hoạt trong học tập	Tối ưu thời gian, tăng trải nghiệm học, khả năng tự nghiên cứu	Phụ thuộc vào hạ tầng công nghệ và mức độ thành thạo công nghệ của người học	Garrison & Kanuka (2004); UNESCO (2021)
4	Cộng đồng học tập trực tuyến	Người học tương tác, chia sẻ, hỗ trợ nhau qua môi trường số	Tăng cường kết nối, thúc đẩy tính cộng tác và chủ động học tập	Hiệu quả phụ thuộc vào mức độ tham gia, nội dung, kỹ năng tương tác qua mạng của người học	Anderson (2008); Salmon (2000)

Nguồn: Tác giả tổng hợp



2.2. Khoảng trống nghiên cứu

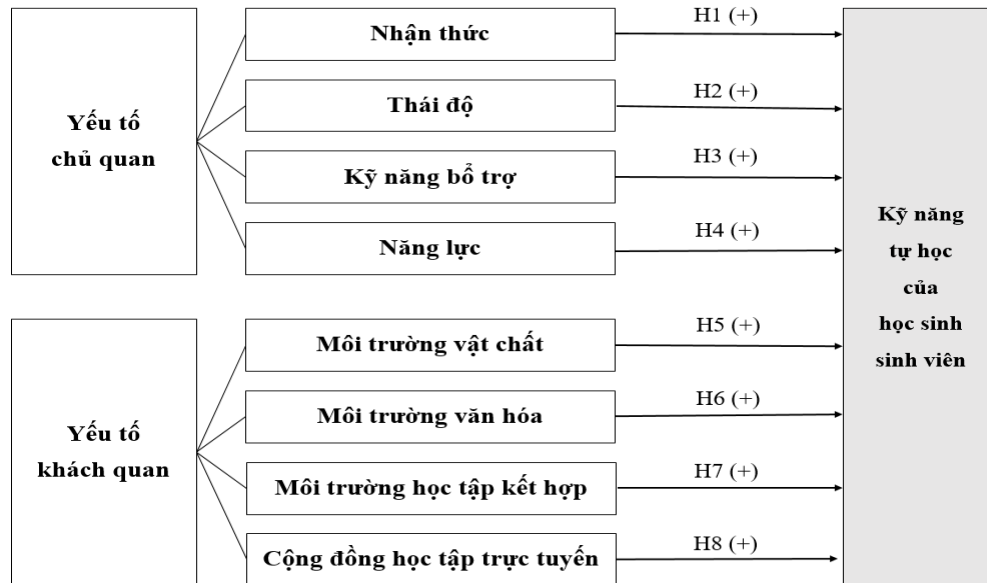
Qua các phân tích trên, có thể thấy rằng hầu hết các nghiên cứu đều thống nhất về tầm quan trọng của kỹ năng tự học và những nhóm yếu tố tác động chính. Mặc dù vai trò của kỹ năng tự học đã được khẳng định, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng không phải người học nào cũng có khả năng tự học hiệu quả. Trên thế giới, hầu hết các khảo sát tập trung chủ yếu vào sinh viên đại học hoặc người học trưởng thành (Trần et al., 2021). Tại Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu về tự học cũng nghiêng về bậc đại học, trong khi học sinh phổ thông chưa được chú trọng khảo sát đầy đủ (Trường Đại học Giáo dục, 2020). Do đó, chưa có nhiều nghiên cứu tích hợp cả khối THPT và đại học nhằm làm rõ sự chuyển tiếp trong quá trình rèn luyện tự học khi người học bước vào giai đoạn học tập nâng cao. Ngoài ra, những biến số như sự hỗ trợ công nghệ, môi trường học tập kết hợp (blended learning) hay vai trò của cộng đồng học tập trực tuyến vẫn còn ít được khai thác sâu ở bối cảnh Việt Nam.

Từ đây, việc tiến hành khảo sát trên cả học sinh THPT và sinh viên, đồng thời phân tích mối tương quan giữa các yếu tố chủ quan và khách quan, sẽ giúp bổ sung những góc nhìn mới, mang tính toàn diện hơn. Kết quả nghiên cứu cũng có thể làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tự học, phù hợp với đặc thù của từng cấp học và xu hướng giáo dục hiện đại. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu đặt trọng tâm khảo sát trên hai nhóm đối tượng: học sinh THPT và sinh viên, qua đó làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong việc hình thành và phát triển kỹ năng tự học. Ngoài ra, nghiên cứu còn chú trọng xem xét sự tác động của môi trường học tập kết hợp cũng như các cộng đồng học tập trực tuyến, nhằm bổ sung những góc nhìn chưa được khai thác đầy đủ trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển tại nước ta.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Tổng hợp từ các mô hình nghiên cứu trước, tác giả đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh - sinh viên gồm: Các yếu tố chủ quan (Nhận thức; Thái độ; Kỹ năng hỗ trợ; Năng lực) và Các yếu tố khách quan (Môi trường vật chất; Môi trường văn hóa; Môi trường học tập kết hợp; Cộng đồng học tập trực tuyến). Dưới đây là mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả đề xuất

Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh - sinh viên được diễn giải như sau:

Bảng 2. Khung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh - sinh viên

Yếu tố	Ký hiệu	Diễn giải	Nguồn tham khảo
Nhận thức	NT	Khả năng tiếp nhận, xử lý và hiểu biết về thông tin, bao gồm niềm tin vào năng lực học tập cũng như sự tự tin trong việc tiếp thu kiến thức và kỹ năng.	Bandura (1997); Zimmerman (2002)
Thái độ	TD	Quan điểm, động lực, hứng thú và cảm xúc của người học đối với hoạt động tự học; ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tập trung, kiên trì và kết quả học tập.	Pintrich (2004); Ryan & Deci (2000)

Kỹ năng hỗ trợ	KN	Các kỹ năng như quản lý thời gian, tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng đọc hiểu, ghi chú, tư duy phản biện... giúp tăng cường hiệu suất trong quá trình tự học.	Zimmerman (2002); Trần et al. (2021)
Năng lực	NL	Mức độ thành thạo về kiến thức và kỹ năng, khả năng áp dụng sáng tạo, thường thể hiện qua hiệu suất hoặc kết quả học tập; liên quan đến sự tự tin và tự quản trị.	Bandura (1997); Trần et al. (2021)
Môi trường vật chất	VC	Các điều kiện hạ tầng, trang thiết bị (phòng học, thư viện, thiết bị công nghệ...) giúp hỗ trợ hoặc cản trở quá trình học tập và nghiên cứu độc lập.	Pintrich (2004)
Môi trường văn hóa	VH	Các yếu tố văn hóa - xã hội như giá trị gia đình, sự hỗ trợ của cộng đồng, định hướng giáo dục; ảnh hưởng đến động lực và tinh thần tự học của người học.	Hofstede (2001); Pintrich (2004)
Môi trường học tập kết hợp	KH	Hình thức đào tạo tích hợp giữa trực tiếp (truyền thống) và trực tuyến, cho phép linh hoạt về thời gian, không gian, đồng thời tạo đa dạng trải nghiệm học tập.	Garrison & Kanuka (2004); UNESCO (2021)
Cộng đồng học tập trực tuyến	TT	Nhóm người học tham gia trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ nhau thông qua môi trường số; mở rộng tương tác và thúc đẩy tính chủ động trong tự học.	Anderson (2008); Salmon (2000)

Nguồn: Tác giả tổng hợp



3.2. Giả thuyết nghiên cứu

H1: Nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Nhận thức đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Theo Zimmerman (2002), người học có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của tự học sẽ chủ động lập kế hoạch, quản lý thời gian và áp dụng chiến lược học tập hiệu quả. Bandura (1997) cũng nhấn mạnh rằng nhận thức về năng lực bản thân (self-efficacy) giúp người học tự tin hơn, đặt mục tiêu cụ thể và kiên trì theo đuổi quá trình học tập. Pintrich (2004) cho rằng nhận thức về phương pháp học tập có tác động trực tiếp đến khả năng tự học, giúp người học điều chỉnh tiến trình học một cách linh hoạt. Nghiên cứu của Trần et al. (2021) tại Việt Nam cũng chỉ ra rằng sinh viên có nhận thức tốt về tự học có tỷ lệ duy trì thói quen học tập cao hơn 30% so với những sinh viên thiếu nhận thức.

H2: Thái độ có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Thái độ học tập đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành thói quen tự học. Theo Ryan & Deci (2000), người học có động lực nội tại cao thường duy trì thái độ tích cực và chủ động trong học tập. Pintrich (2004) cũng nhấn mạnh rằng thái độ học tập ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ kiên trì, khả năng tự điều chỉnh và sử dụng chiến lược học tập hiệu quả. Nghiên cứu của Trần et al. (2021) tại Việt Nam cho thấy sinh viên có thái độ học tập tích cực có khả năng tự học tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn.

H3: Kỹ năng hỗ trợ có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Kỹ năng hỗ trợ như quản lý thời gian, tìm kiếm thông tin, tư duy phản biện giúp người học nâng cao hiệu quả tự học. Zimmerman (2002) chỉ ra rằng người học có kỹ năng tổ chức và quản lý tốt có xu hướng tự học hiệu quả hơn do biết cách sắp xếp thời gian hợp lý và tìm kiếm tài liệu phù hợp. Trần et al. (2021) cũng phát hiện rằng sinh viên có kỹ năng hỗ trợ phát triển tốt có tỷ lệ hoàn thành mục tiêu học tập cao hơn 40% so với sinh viên thiếu kỹ năng này.

H4: Năng lực có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Năng lực cá nhân, bao gồm kiến thức nền và kỹ năng chuyên môn, quyết định mức độ hiệu quả của quá trình tự học. Theo Bandura (1997), những người học có niềm tin vào bản thân cao sẽ tự tin hơn trong việc tự học và phát triển các chiến lược học tập phù hợp. Pintrich (2004) cũng chỉ ra rằng người học có kiến thức nền tảng vững chắc dễ dàng tiếp thu và áp dụng phương pháp học tập hiệu quả.

H5: Môi trường vật chất có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Môi trường vật chất như cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, tài nguyên học tập ảnh hưởng đến khả



năng tiếp cận thông tin và sự tập trung của người học. Theo nghiên cứu của Trường Đại học Giáo dục (2020), sinh viên có điều kiện học tập thuận lợi (phòng học, thư viện, công nghệ hỗ trợ) có tỷ lệ tự học thành công cao hơn 35% so với nhóm không có điều kiện tốt.

H6: Môi trường văn hóa có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Môi trường văn hóa bao gồm sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè, thầy cô và những giá trị giáo dục của xã hội. Hofstede (2001) cho rằng văn hóa học tập tác động đến động lực và khả năng tự định hướng của người học. Nghiên cứu của Pintrich (2004) cũng cho thấy rằng người học trong môi trường khuyến khích tự học có thái độ tích cực và duy trì thói quen học tập tốt hơn.

H7: Môi trường học tập kết hợp có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Môi trường học tập kết hợp cho phép người học chủ động lựa chọn thời gian và phương pháp học tập, từ đó nâng cao tính tự học. Garrison & Kanuka (2004) khẳng định rằng học tập kết hợp giúp sinh viên phát triển khả năng tự nghiên cứu, tăng cường tư duy phản biện và kỹ năng quản lý thời gian. UNESCO (2021) cũng chỉ ra rằng sinh viên học tập trong mô hình kết hợp có xu hướng chủ động tìm kiếm kiến thức và tham gia cộng đồng học tập nhiều hơn.

H8: Cộng đồng học tập trực tuyến có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Cộng đồng học tập trực tuyến giúp người học mở rộng kết nối, tiếp cận tài nguyên phong phú và nhận được sự hỗ trợ trong quá trình tự học. Anderson (2008) nhấn mạnh rằng tương tác trong môi trường số thúc đẩy động lực học tập và khả năng tự học của sinh viên. Salmon (2000) cũng cho thấy rằng sinh viên tham gia các diễn đàn học tập trực tuyến có khả năng duy trì thói quen học tập tốt hơn do được tiếp cận nhiều nguồn tài liệu và nhận phản hồi nhanh chóng.

Các giả thuyết của mô hình nghiên cứu được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Bảng 3. Giả thuyết nghiên cứu

Ký hiệu	Yếu tố	Giả thuyết	Ảnh hưởng	Nguồn tham khảo
H1	Nhận thức	Nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Zimmerman (2002); Bandura (1997); Pintrich (2004)
H2	Thái độ	Thái độ có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Ryan & Deci (2000); Pintrich (2004)
H3	Kỹ năng hỗ trợ	Kỹ năng hỗ trợ (quản lý thời gian, tìm kiếm thông tin, tư duy phản biện...) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Zimmerman (2002); Trần et al. (2021)
H4	Năng lực	Năng lực (kiến thức nền, kỹ năng chuyên môn) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Bandura (1997); Trần et al. (2021)
H5	Môi trường vật chất	Môi trường vật chất (cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, tài nguyên học tập...) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Pintrich (2004)

H6	Môi trường văn hóa	Môi trường văn hóa (gia đình, nhà trường, bạn bè, giá trị xã hội) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Hofstede (2001); Pintrich (2004)
H7	Môi trường học tập kết hợp	Môi trường học tập kết hợp có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Garrison & Kanuka (2004); UNESCO (2021)
H8	Cộng đồng học tập trực tuyến	Cộng đồng học tập trực tuyến có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	+	Anderson (2008); Salmon (2000)

Nguồn: Tác giả đề xuất

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cả dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp để phân tích. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn như sách chuyên khảo, các báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua hoạt động khảo sát ý kiến của học sinh thuộc 03 trường THPT và sinh viên thuộc 05 cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các câu hỏi khảo sát liên quan đến từng yếu tố trong mô hình nghiên cứu được thiết kế dựa trên các nghiên cứu trước đây, đồng thời có điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Nội dung bảng khảo sát gồm 02 phần chính:

Thông tin chung về đối tượng khảo sát, bao gồm: tên trường, loại trường, khối ngành học, số lớp (nếu đối tượng khảo sát là học sinh THPT), số năm học tại trường (nếu đối tượng khảo sát là sinh viên).



Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên, được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý.

Phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm phát bảng khảo sát trực tiếp và phỏng vấn sâu. Các phần tử trong mẫu điều tra được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Thời gian thu thập dữ liệu từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2024.

Ngoài khảo sát định lượng, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sinh viên đại học để làm rõ sự chuyển tiếp trong quá trình rèn luyện kỹ năng tự học khi người học bước vào giai đoạn học tập nâng cao. Nhóm phỏng vấn bao gồm sinh viên năm nhất và năm ba, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích để so sánh trải nghiệm giữa sinh viên mới nhập học và sinh viên đã trải qua quá trình thích nghi. Quy trình phỏng vấn sử dụng phỏng vấn bán cấu trúc. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến (thời lượng trung bình 30 phút/mẫu), được ghi âm (với sự đồng ý của người tham gia) và ghi chú để phục vụ phân tích. Dữ liệu phỏng vấn được tổng hợp thông qua mã hóa nội dung trong đó các ý kiến của người tham gia được phân loại thành các chủ đề chính nhằm rút ra các xu hướng chung.

Sau khi thu thập bảng hỏi, mã hóa dữ liệu và nhập liệu, các bước xử lý tiếp theo sẽ được thực hiện: (1) Nhập dữ liệu từ các phiếu trả lời giấy đã thu thập được; (2) Làm sạch dữ liệu, kiểm tra độ chính xác và nhất quán; (3) Kiểm tra độ tin cậy của dữ liệu bằng các phương pháp thống kê; (4) Phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 22.0, bao gồm thống kê mô tả và kiểm định độ tin cậy thang đo; (5) Giải thích kết quả phân tích, đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu để rút ra kết luận.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thông tin về mẫu khảo sát và mẫu phỏng vấn

Số lượng phiếu trả lời thu về là 438 phiếu nhưng sau khi kiểm tra, làm sạch, số phiếu hợp lệ chỉ còn 316 phiếu. Như vậy số lượng mẫu trong khảo sát nghiên cứu là 316 mẫu. Thông tin chung về đối tượng khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 4. Thông tin về đối tượng khảo sát

TT	Thông tin đối tượng khảo sát	Số mẫu quan sát thực tế	Tỉ lệ (%)
1	Loại trường - số lớp/số năm học	316	100
1.1	THPT	83	26,27
1.1.1	Học sinh lớp 10	25	30,12
1.1.2	Học sinh lớp 11	39	46,99
1.1.3	Học sinh lớp 12	19	22,89
1.2	Đại học	233	73,73
1.2.1	Sinh viên năm thứ nhất	67	28,76
1.2.2	Sinh viên năm thứ hai	54	23,18
1.2.3	Sinh viên năm thứ ba	72	30,90
1.2.4	Sinh viên năm thứ tư	38	16,31
1.2.5	Sinh viên năm thứ tư trở lên	2	0,86
2	Khối ngành học	316	100
2.1	Khoa học tự nhiên	214	67,72
2.2	Khoa học xã hội	102	32,28

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu khảo sát của tác giả

Số lượng sinh viên tham gia phỏng vấn là 20 sinh viên, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, dựa trên danh sách được cung cấp và tập trung vào hai nhóm đối tượng là sinh viên năm nhất và sinh viên năm ba. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra và rà soát chất lượng nội dung, chỉ có 14 cuộc phỏng vấn được đánh giá là hợp lệ. Như vậy, số lượng mẫu phỏng vấn trong nghiên cứu là 14 mẫu. Thông tin chung về đối tượng phỏng vấn cụ thể như sau:

Bảng 5. Thông tin về đối tượng phỏng vấn

TT	Thông tin đối tượng phỏng vấn	Số mẫu quan sát thực tế	Tỉ lệ (%)
1	Số năm học	14	100
1.1	Sinh viên năm thứ nhất	6	42,86
1.2	Sinh viên năm thứ ba	8	57,14

2	Khối ngành học	14	100
2.1	Khoa học tự nhiên	5	35,71
2.2	Khoa học xã hội	9	64,29

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu phỏng vấn của tác giả

4.2. Phân tích độ tin cậy của các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên

Bảng 6. Kết quả kiểm định đo lường

Yếu tố	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Cronbach's Alpha	Eigen values	Phần trăm phương sai (%)
Nhận thức	1,00	5,00	4,05	0,98	0,86	1,48	18,52
Thái độ	1,00	5,00	4,32	1,12	0,82	1,41	16,79
Kỹ năng hỗ trợ	1,00	5,00	3,45	1,42	0,81	1,36	14,21
Năng lực	1,00	5,00	4,76	1,35	0,81	1,24	12,65
Môi trường vật chất	1,00	5,00	3,07	1,54	0,91	1,17	11,37
Môi trường văn hóa	1,00	5,00	4,17	1,23	0,85	1,09	10,22
Môi trường học tập kết hợp	1,00	5,00	4,21	1,37	0,83	1,06	9,84
Cộng đồng học tập trực tuyến	1,00	5,00	3,92	1,17	0,86	1,03	8,40

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Nhận thức và Thái độ có mức trung bình lần lượt là 4,05 và 4,32, cho thấy người học có đánh giá tích cực về tầm quan trọng của tự học. Năng lực có giá trị trung bình cao nhất (4,76), phản ánh sự tự tin của người học về khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức. Kỹ năng hỗ trợ có mức trung bình thấp hơn (3,45) với độ lệch chuẩn cao nhất (1,42), cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các cá nhân trong việc phát triển kỹ năng quản lý thời gian, tư duy

phản biện và tìm kiếm thông tin. Môi trường vật chất có mức trung bình thấp nhất (3,07) và độ lệch chuẩn cao nhất (1,54), điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt trong điều kiện học tập giữa học sinh THPT và sinh viên đại học.

Về độ tin cậy của thang đo, Cronbach's Alpha dao động từ 0,77 đến 0,91, cho thấy mức độ nhất quán nội tại tốt, đặc biệt là môi trường vật chất (0,91) và nhận thức (0,86). Các giá trị Eigenvalues > 1 chứng minh rằng tất cả các yếu tố đều có ý nghĩa thống kê trong mô hình. Nhận thức (1,48) và Thái độ (1,41) có Eigenvalues cao nhất, đồng thời đóng góp nhiều nhất vào tổng phương sai (18,52% và 16,79%), cho thấy vai trò quan trọng của hai yếu tố này đối với kỹ năng tự học. Ngược lại, Cộng đồng học tập trực tuyến có Eigenvalues thấp nhất (1,03) và đóng góp phần trăm phương sai thấp nhất (8,40%), cho thấy mức độ ảnh hưởng thấp hơn so với các yếu tố khác.

4.3. Phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên

Bảng 7. Phân tích hồi quy ảnh hưởng của các yếu tố

Biến độc lập	R ² hiệu chỉnh	F-statistic	Giá trị p (kiểm định F)	Hệ số chuẩn hóa	t-value	Giá trị p (kiểm định T)
Nhận thức				0,47	12,74	0,0000
Thái độ				0,32	8,67	0,0000
Kỹ năng hỗ trợ				0,40	10,60	0,0000
Năng lực				0,27	7,31	0,0000
Môi trường vật chất	0,57	52,92	0,0000	0,11	3,05	0,0025
Môi trường văn hóa				0,11	3,02	0,0033
Môi trường học tập kết hợp				0,15	4,12	0,0001
Cộng đồng học tập trực tuyến				0,07	2,15	0,0672

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả



Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mô hình có R^2 hiệu chỉnh = 0,57 và F-statistic = 52,92 với p-value < 0,0001, chứng tỏ mô hình có ý nghĩa thống kê tổng thể. Điều này cho thấy 57% phương sai của kỹ năng tự học có thể được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình, một mức độ phù hợp tương đối cao trong các nghiên cứu giáo dục. Giá trị F-statistic cao và p-value < 0,0001 khẳng định rằng ít nhất một biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên. Điều này cho thấy mô hình được xây dựng có giá trị dự báo tốt và có thể giải thích sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Trong số các yếu tố được kiểm định, Nhận thức ($\beta = 0,47$, $t = 12,74$, $p < 0,0001$) là yếu tố có tác động mạnh nhất, nhấn mạnh vai trò của nhận thức trong việc hình thành và phát triển kỹ năng tự học. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Zimmerman (2002) và Bandura (1997), trong đó nhận thức được xem là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến động lực và hành vi tự học. Bên cạnh đó, Kỹ năng hỗ trợ ($\beta = 0,40$, $t = 10,60$, $p < 0,0001$) và Thái độ ($\beta = 0,32$, $t = 8,67$, $p < 0,0001$) cũng có ảnh hưởng đáng kể, phản ánh rằng quản lý thời gian, tư duy phản biện, động lực và thái độ học tập tích cực có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả tự học. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Pintrich (2004) và Ryan & Deci (2000), trong đó các tác giả nhấn mạnh rằng kỹ năng hỗ trợ và thái độ tích cực giúp người học duy trì động lực học tập và chủ động hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, Năng lực cá nhân ($\beta = 0,27$, $t = 7,31$, $p < 0,0001$) có ảnh hưởng trung bình nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê, nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức nền và kỹ năng chuyên môn trong quá trình tự học, phù hợp với lý thuyết tự hiệu quả cá nhân (self-efficacy) của Bandura (1997).

Các yếu tố thuộc nhóm khách quan có mức độ ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê. Cụ thể, Môi trường vật chất ($\beta = 0,11$, $t = 3,05$, $p = 0,0025$) và Môi trường văn hóa ($\beta = 0,11$, $t = 3,02$, $p = 0,0033$) có tác động nhỏ nhưng vẫn đáng kể, phản ánh rằng điều kiện cơ sở hạ tầng, tài nguyên học tập, cũng như sự hỗ trợ từ gia đình, nhà trường và bạn bè có thể ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Pintrich (2004) và Hofstede (2001) về ảnh hưởng của môi trường học tập và văn hóa đối với động lực học tập của người học. Ngoài ra, Môi trường học tập kết hợp ($\beta = 0,15$, $t = 4,12$, $p = 0,0001$) có tác động trung bình và có ý nghĩa thống kê cao, phản ánh vai trò hỗ trợ của mô hình học tập kết hợp trong việc phát triển kỹ năng tự học. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Garrison & Kanuka (2004), trong đó học tập kết hợp giúp sinh viên tăng tính linh hoạt, khả năng tự nghiên cứu và năng lực học tập độc lập.



Một điểm đáng chú ý trong kết quả phân tích là Cộng đồng học tập trực tuyến ($\beta = 0,07$, $t = 2,15$, $p = 0,0672$) không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), cho thấy yếu tố này không có tác động đáng kể đến kỹ năng tự học của sinh viên. Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Anderson (2008) và Salmon (2000), trong đó các tác giả nhấn mạnh rằng cộng đồng học tập trực tuyến có thể hỗ trợ tương tác và nâng cao động lực tự học. Sự khác biệt này có thể do một số nguyên nhân như mức độ tham gia của sinh viên vào các cộng đồng học tập trực tuyến chưa cao, sự thiếu hướng dẫn từ giảng viên hoặc chất lượng nội dung trong các cộng đồng học tập chưa đủ hấp dẫn. Ngoài ra, việc sinh viên vẫn phụ thuộc vào phương pháp học truyền thống và chưa tận dụng tối đa các tài nguyên trực tuyến cũng có thể là một yếu tố làm giảm tác động của biến số này.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố chủ quan như nhận thức, kỹ năng hỗ trợ và thái độ có tác động mạnh nhất, trong khi các yếu tố khách quan có ảnh hưởng ở mức độ thấp hơn. Mặc dù môi trường học tập có thể hỗ trợ quá trình tự học, nhưng khả năng tự học vẫn chủ yếu phụ thuộc vào động lực cá nhân và các kỹ năng hỗ trợ của người học. Việc cộng đồng học tập trực tuyến không có ý nghĩa thống kê trong mô hình cũng cho thấy rằng cần có các nghiên cứu tiếp theo để đánh giá cách thức triển khai và khai thác hiệu quả mô hình học tập trực tuyến nhằm nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên.

Từ kết quả phân tích hồi quy, các giả thuyết được kiểm chứng, kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 8. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Ký hiệu	Giả thuyết	Hệ số tác động	Mức ý nghĩa	Kết quả kiểm định
H1	Nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	0,47	0,0000	Chấp nhận
H2	Thái độ có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	0,32	0,0000	Chấp nhận



H3	Kỹ năng hỗ trợ (quản lý thời gian, tìm kiếm thông tin, tư duy phản biện...) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học.	0,40	0,0000	Chấp nhận
H4	Năng lực (kiến thức nền, kỹ năng chuyên môn) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học.	0,27	0,0000	Chấp nhận
H5	Môi trường vật chất (cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, tài nguyên học tập...) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học.	0,11	0,0025	Chấp nhận
H6	Môi trường văn hóa (gia đình, nhà trường, bạn bè, giá trị xã hội) có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học.	0,11	0,0033	Chấp nhận
H7	Môi trường học tập kết hợp có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	0,15	0,0001	Chấp nhận
H8	Cộng đồng học tập trực tuyến có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng tự học của học sinh – sinh viên.	0,07	0,0672	Bác bỏ

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

4.4. Phân tích kết quả phỏng vấn

Bên cạnh khảo sát định lượng, nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn bán cấu trúc với 14 sinh viên đại học, trong đó 06 sinh viên năm nhất (42,86%) và 08 sinh viên năm ba (57,14%). Việc lựa chọn nhóm đối tượng này nhằm làm rõ sự chuyển tiếp trong quá trình rèn luyện kỹ năng tự học giữa sinh viên mới nhập học và sinh viên đã trải qua quá trình thích nghi với môi trường đại học. Một số kết quả thu được như sau:



Thứ nhất, nhận thức về kỹ năng tự học giữa các nhóm sinh viên. Kết quả phỏng vấn cho thấy có sự khác biệt đáng kể về mức độ nhận thức đối với kỹ năng tự học giữa sinh viên năm nhất và sinh viên năm ba. Cụ thể, sinh viên năm nhất nhìn nhận kỹ năng tự học là yếu tố quan trọng nhưng chưa phát triển được phương pháp học tập hiệu quả. Họ gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian, tìm kiếm tài liệu và duy trì động lực học tập. Một số sinh viên cho rằng việc thiếu hướng dẫn cụ thể từ giảng viên khiến họ cảm thấy mất phương hướng trong quá trình học tập. Ngược lại, sinh viên năm ba có nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của tự học và đã hình thành các chiến lược học tập phù hợp. Họ chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, khai thác nhiều nguồn tài liệu khác nhau và tham gia các nhóm học tập trực tuyến để hỗ trợ quá trình tự học. Sinh viên năm ba cũng nhấn mạnh rằng việc thích nghi với phương pháp học đại học là quá trình cần có thời gian, đòi hỏi sự rèn luyện liên tục.

Thứ hai, sự khác biệt về thái độ và động lực tự học. Sự khác biệt giữa hai nhóm sinh viên cũng thể hiện rõ ở mức độ động lực và thái độ đối với việc tự học. Sinh viên năm nhất có động lực học tập phụ thuộc nhiều vào yếu tố bên ngoài, chẳng hạn như lịch học cố định, yêu cầu của giảng viên hoặc kỳ thi. Một số sinh viên bày tỏ rằng họ gặp khó khăn khi phải tự đặt ra mục tiêu học tập và theo đuổi kế hoạch học tập dài hạn. Trong khi đó, sinh viên năm ba có động lực học tập cao hơn do đã nhận thức được lợi ích của tự học trong việc nâng cao kết quả học tập và chuẩn bị cho công việc sau này. Họ có xu hướng chủ động tìm kiếm cơ hội học tập ngoài lớp học, chẳng hạn như tham gia nghiên cứu khoa học, thực tập, các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực học tập.

Thứ ba, kỹ năng hỗ trợ và phương pháp học tập. Sinh viên năm nhất nhìn chung chưa phát triển đầy đủ các kỹ năng hỗ trợ tự học như quản lý thời gian, tư duy phản biện và kỹ năng tìm kiếm tài liệu. Họ thường dựa vào tài liệu do giảng viên cung cấp và ít chủ động tìm hiểu thêm từ các nguồn học liệu khác. Phương pháp học tập phổ biến trong nhóm này là ghi nhớ thụ động, trong khi khả năng tự đánh giá và tổng hợp kiến thức còn hạn chế. Trái lại, sinh viên năm ba đã có sự điều chỉnh và phát triển các kỹ năng hỗ trợ cần thiết cho việc tự học. Họ thường áp dụng các chiến lược học tập chủ động như tóm tắt nội dung chính, lập sơ đồ tư duy, phân tích bài giảng và học theo nhóm. Việc sử dụng thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu học thuật và tài liệu quốc tế cũng phổ biến hơn ở nhóm sinh viên này.

Thứ tư, ảnh hưởng của môi trường học tập. Môi trường học tập được xác định là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tự học của sinh viên. Sinh viên năm nhất cho rằng họ cần sự



hỗ trợ nhiều hơn từ giảng viên và nhà trường để thích nghi với phương pháp học tập mới. Họ đề xuất rằng cần có các khóa hướng dẫn về phương pháp tự học, cách sử dụng tài nguyên học thuật và quản lý thời gian ngay từ năm đầu tiên. Trong khi đó, sinh viên năm ba có khả năng khai thác hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên học tập như thư viện số, các khóa học trực tuyến và hệ thống hỗ trợ học tập. Họ cũng nhấn mạnh rằng môi trường học tập kết hợp giúp họ linh hoạt hơn trong việc tự học và phát triển tư duy độc lập.

Như vậy, kết quả phỏng vấn cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa sinh viên năm nhất và năm ba trong quá trình hình thành kỹ năng tự học. Điều này phù hợp với kết luận của Zimmerman (2002) về quá trình phát triển khả năng tự điều chỉnh trong học tập, trong đó sinh viên cần thời gian để thích nghi với việc quản lý việc học một cách độc lập. Nghiên cứu cũng hỗ trợ các phát hiện của Pintrich (2004) về vai trò của động lực nội tại và thái độ học tập đối với quá trình tự học. Cụ thể, sinh viên năm ba có động lực học tập chủ động hơn, trong khi sinh viên năm nhất vẫn bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố bên ngoài. Ngoài ra, kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Trần et al. (2021) tại Việt Nam, trong đó cho thấy sinh viên mới nhập học thường gặp khó khăn trong việc tự học do thiếu kỹ năng hỗ trợ và phương pháp học tập phù hợp, trong khi sinh viên năm cuối đã hình thành các chiến lược tự học hiệu quả hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu này mở rộng thêm về vai trò của môi trường học tập kết hợp, cho thấy rằng sinh viên có khả năng tiếp cận các tài nguyên số và phương pháp học tập kết hợp có xu hướng tự học tốt hơn. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Garrison & Kanuka (2004) về ảnh hưởng tích cực của học tập kết hợp đối với kỹ năng tự học.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của việc phát triển kỹ năng tự học đối với học sinh – sinh viên trong bối cảnh giáo dục hiện đại, nhất là khi các hình thức học tập trực tuyến và kết hợp ngày càng phổ biến. Phân tích định lượng cho thấy bảy trong số tám yếu tố giả thuyết có tác động có ý nghĩa thống kê đến kỹ năng tự học, trong đó “Nhận thức” có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, theo sau là “Kỹ năng hỗ trợ” và “Thái độ”. Các yếu tố “Năng lực cá nhân”, “Môi trường vật chất”, “Môi trường văn hóa” và “Môi trường học tập kết hợp” cũng được chứng minh là có tác động đáng kể, dù mức độ ảnh hưởng thấp hơn. Riêng “Cộng đồng học tập trực tuyến” chưa thể hiện rõ vai trò hỗ trợ tự học, có thể xuất phát từ việc người học chưa tận dụng hiệu quả hoặc thiếu tương tác sâu trong môi trường số. Nhìn chung, nhóm yếu tố chủ quan (đặc biệt là Nhận



thức, Thái độ và Kỹ năng hỗ trợ) thể hiện ảnh hưởng mạnh và rõ rệt hơn đến kỹ năng tự học của người học so với nhóm yếu tố khách quan (như Môi trường vật chất, Môi trường văn hóa, Môi trường học tập kết hợp), điều này được chứng minh qua hệ số tác động và mức ý nghĩa thống kê trong mô hình nghiên cứu.

Bên cạnh đó, kết quả phỏng vấn bán cấu trúc với nhóm sinh viên cho thấy sự khác biệt rõ ràng giữa sinh viên năm nhất và năm ba về mức độ nhận thức, thái độ và kỹ năng hỗ trợ. Sinh viên năm ba thể hiện sự chủ động hơn trong việc lập kế hoạch, tìm kiếm nguồn tài liệu, tham gia các hoạt động học tập ngoài lớp và xây dựng chiến lược tự học phù hợp. Trái lại, sinh viên năm nhất cần thời gian để làm quen với mô hình học đại học và thường gặp khó khăn trong quản lý thời gian, duy trì động lực và tìm kiếm phương pháp học tập hiệu quả. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc định hướng và hỗ trợ ban đầu từ phía giảng viên và nhà trường, nhằm giúp tân sinh viên nhanh chóng nâng cao nhận thức và hình thành những kỹ năng tự học nền tảng.

Từ các kết quả trên, có thể rút ra ba hàm ý quan trọng. *Thứ nhất*, cần chú trọng nâng cao nhận thức và thái độ của người học về vai trò then chốt của tự học, thông qua các hoạt động định hướng, hội thảo, hoặc lồng ghép vào chương trình học. *Thứ hai*, các kỹ năng hỗ trợ như quản lý thời gian, tư duy phản biện, tìm kiếm thông tin cần được rèn luyện một cách bài bản, kết hợp cả học phần chính thức lẫn hoạt động ngoại khóa. *Thứ ba*, việc phát triển hạ tầng học tập, môi trường văn hóa hỗ trợ, cũng như đẩy mạnh mô hình học tập kết hợp, sẽ giúp tối ưu hóa quá trình tự học và tạo điều kiện cho người học mở rộng khả năng tiếp cận nguồn tài liệu. Kết quả nghiên cứu cũng gợi mở hướng khai thác sâu hơn vai trò của cộng đồng trực tuyến, thông qua việc thiết kế các nền tảng tương tác chất lượng cao hoặc chương trình mentoring trực tuyến, để nâng cao hiệu quả tự học cho học sinh – sinh viên trong thời gian tới.



Tài liệu tham khảo

- Anderson, T. (2008). *The theory and practice of online learning*. Athabasca University Press.
- Bandura, A. (1997). *Self-efficacy: The exercise of control*. W. H. Freeman.
- Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. *The Internet and Higher Education*, 7(2), 95-105. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2004.02.001>
- Hofstede, G. (2001). *Culture's consequences: Comparing values, behaviors, institutions and organizations across nations* (2nd ed.). SAGE Publications.
- Nguyễn, T. H. (2020). Vai trò của gia đình trong việc khuyến khích học sinh tự học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 16(3), 45-56.
- OECD. (2020). *The future of education and skills: Education 2030*. Organisation for Economic Co-operation and Development.
- Perry, N. E., Turner, J. C., & Meyer, D. K. (2006). Classroom contexts for motivating self-regulated learning. *Journal of Educational Psychology*, 98(2), 238-252. <https://doi.org/10.1037/0022-0663.98.2.238>
- Pintrich, P. R. (2004). A conceptual framework for assessing motivation and self-regulated learning in college students. *Educational Psychology Review*, 16(4), 385-407. <https://doi.org/10.1007/s10648-004-0006-x>
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist*, 55(1), 68-78. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68>
- Salmon, G. (2000). *E-moderating: The key to teaching and learning online*. Routledge.
- Trần, H. T., Nguyễn, M. A., & Lê, T. K. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi sang học tập trực tuyến. *Tạp chí Giáo dục Việt Nam*, 10(5), 12-22.
- Trường Đại học Giáo dục. (2020). Báo cáo khảo sát về kỹ năng tự học của sinh viên đại học trong bối cảnh học tập trực tuyến. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 15(4), 77-90.



UNESCO. (2021). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.

Zimmerman, B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory into Practice*, 41(2), 64-70. https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2